

MasterPozzolith® R 132

Chất giảm nước để sản xuất bê-tông chậm mất độ sụt

MÔ TẢ

MasterPozzolith R 132 là sản phẩm lỏng, màu nâu chế tạo từ các vật liệu tổng hợp cải tiến. **MasterPozzolith R 132** không chứa chloride.

Là phụ gia làm chậm quá trình đông kết của xi-măng do đó làm kéo dài thời gian làm việc cho bê-tông. Tuy nhiên quá trình này không ảnh hưởng đến quá trình phát triển cường độ của bê-tông do đó ta sẽ đạt được cường độ cao hơn do giảm lượng nước trộn.

ƯU ĐIỂM

- Bê tông có độ linh động cao hơn và dễ đổ hơn ngay cả khi nhiệt độ cao.
- Kéo dài thời gian làm việc cho bê-tông
- Kéo dài thời gian đông kết nhưng không làm giảm cường độ
- Bê-tông bơm dễ và nhanh hơn
- Cường độ sau cùng sẽ cao hơn
- Bê-tông bền vững hơn và có nhiều khả năng chống thấm hơn
- Cải thiện cấu trúc bê-tông
- Bề mặt hoàn thiện đẹp hơn

ĐẶC ĐIỂM VÀ CÔNG DỤNG

MasterPozzolith R 132 thích ứng với xi-măng Portland và xi-măng xỉ. Trong trường hợp bê-tông có sử dụng tro bay, nếu yêu cầu cường độ sớm được đặt ra thì nên dùng 1 loại phụ gia khác của BASF. Nó cũng thích ứng với tất cả các loại phụ gia ngậm khí theo UNI, ASTM, AASO, DIN,... tuy nhiên **MasterPozzolith R 132** nên trộn riêng biệt với loại phụ gia này

KHẢ NĂNG LÀM VIỆC

MasterPozzolith R 132 làm tăng khả năng làm việc của bê-tông nhưng không làm giảm cường độ. **MasterPozzolith R 132** được dùng cho bê-tông chảy (độ sụt ≥ 200 mm). Để đạt được bê-tông chảy này, ta cho 0,4 lít **MasterPozzolith R 132** cho mỗi 100kg xi-măng vào bê-tông thường có độ sụt = 100mm.

ĐỘ LIÊN KẾT

Sử dụng **MasterPozzolith R 132** làm tăng độ liên kết trong bê-tông do đó làm giảm sự phân tầng đáng kể.

THỜI GIAN ĐÔNG KẾT

Thời gian đông kết phụ thuộc vào nhiệt độ bê tông, điều kiện bên ngoài và cấp phối.

Bảng 1: Mức độ ảnh hưởng của **MasterPozzolith R 132** đối với thời gian đông kết của bê-tông (giá trị trung bình)

MasterPozzolith R 132 (% theo trọng lượng xi-măng)	Thời gian bắt đầu đông kết kéo dài thêm (giờ)	Thời gian kết thúc đông kết dài thêm (giờ)
0,0	0,0	0,0
0,2	0,5	0,5
0,4	2,0	2,0
0,6	4,5	4,5
0,7	6,5	6,5

Dữ liệu trên chỉ mang tính chất tham khảo. Để có số liệu chính xác trong từng trường hợp khác nhau, cần phải thí nghiệm trên những vật liệu thực tế sử dụng và ở những điều kiện môi trường tương ứng.

CƯỜNG ĐỘ

MasterPozzolith R 132 có thể làm giảm tỉ lệ nước/xi-măng từ 5-10% do đó sẽ làm tăng cường độ nén của bê-tông (tham khảo bảng 2).

ĐỘ CHỐNG THẤM VÀ BỀN VỮNG

Tỉ lệ nước/xi-măng thấp hơn sẽ làm giảm độ rỗng trong bê-tông do đó làm giảm đáng kể sự xâm nhập của các tác nhân gây hại và kéo dài tuổi thọ cho bê-tông.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

MasterPozzolith R 132 là chất lỏng sử dụng ngay. Nó được cho vào bê-tông cùng lúc với nước.

HÀM LƯỢNG SỬ DỤNG

Liều lượng **MasterPozzolith R 132** có thể thay đổi từ 0,2 đến 0,7 lít/100 Kg xi-măng, tùy thuộc vào mục đích trộn và điều kiện bên ngoài.

MasterPozzolith® R 132

Liều lượng tốt nhất khoảng 0,4 lít/100kg xi-măng. Liều lượng cao hơn (0,5 – 0,7 lít/100 Kg xi-măng) sẽ kéo dài thời gian làm việc cho bê-tông ngay cả ở nhiệt độ cao ($\geq 30^{\circ}\text{C}$).

ĐÓNG GÓI

Bảng 2

Các giá trị cường độ điển hình cho bê-tông cấp phối xi-măng 310 Kg/m² xi-măng Portland.

Cát = 36%, đá (kích thước lớn nhất = 25mm) = 64%, bảo dưỡng ở 20°C.

Pozzolith® 132R lít/100kg xi-măng	Tỉ lệ nước/xi-măng	Độ sụt (mm)	Cường độ nén (N/mm ²)			
			1 ngày	3 ngày	7 ngày	28 ngày
0,0	0,60	150	7,5	15,5	26,1	35,2
0,2	0,56	165	9,2	20,1	31,8	44,6
0,4	0,54	165	6,7	20,3	33,0	45,7
0,6	0,53	155	1,0	19,8	34,2	47,3

MasterPozzolith R 132 được đóng gói 205L/ phuy, 1000L/bồn hoặc cung cấp dạng bơm.

BẢO QUẢN

Ở những nơi không quá lạnh (dưới 0°C) nếu sản phẩm bị đông có thể làm nóng chảy ở nhiệt độ 20°C.

TRÁCH NHIỆM

Các thông tin kỹ thuật và hướng dẫn thi công trong các tài liệu của **BASF** dựa trên cơ sở khoa học và kinh nghiệm thực tế. Do các thông tin ở đây chỉ nêu lên bản chất chung, không có giả thiết nào chung cho việc sử dụng và thi công riêng biệt của bất kỳ sản phẩm nào nên người sử dụng cần phải kiểm tra mức độ thích hợp của sản phẩm theo từng trường hợp.

CHÚ Ý

BASF cung cấp sản phẩm và hướng dẫn kỹ thuật nhưng không bao gồm trách nhiệm giám sát. Nên sử dụng sản phẩm theo sự chỉ dẫn của **BASF**, tuy nhiên phải tuân theo sự thay đổi, điều chỉnh của các chủ đầu tư, kỹ sư hoặc nhà thầu trong việc thi công vào từng môi trường ứng dụng thích hợp.

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Văn phòng chính

Điện thoại: (0650) 3743 100
Fax: (0650) 3743 200

Chi nhánh TP.HCM

Điện thoại: (08) 3910 3905
Fax: (08) 3910 3898

Chi nhánh Hà Nội

Điện thoại: (04) 3974 3767
Fax: (04) 3974 3766

Chi nhánh Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3652 069
Fax: (0511) 3652 138